

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN T3
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T3

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T3.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T3 tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn T3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số :89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1984.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Trần Thị H, tổ 22, ấp T1, xã Phước T2, huyện Nhơn T3, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đội 1, xã Nghĩa H2, huyện Nghĩa H3, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Trần Thị H, tổ 22, ấp T1, xã Phước T2, huyện Nhơn T3, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2024 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H2, huyện Nghĩa H3, tỉnh Nam Định vào năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cuộc sống chung không hòa hợp, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, anh H1 ham mê trò chơi trực tuyến, tiêu hao tiền bạc của gia

đình, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân vô cùng buồn chán. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/11/2014 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 03/01/2022. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T3:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị T và anh H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H2, huyện Nghĩa H3, tỉnh Nam Định vào năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cuộc sống chung không hòa hợp, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, anh H1 ham mê trò chơi trực tuyến, tiêu hao tiền bạc của gia đình chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân vô cùng buồn chán. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn H1.

Do chị T và anh H1 kết hôn vào năm 2013, khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/11/2014 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 03/01/2022, khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét việc chị T yêu cầu được nuôi con chung là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 58 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu D cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nH3 vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H1.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn H1 có địa chỉ ấp T1, xã Phước T2, huyện Nhơn T3, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn T3.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H1 thì thấy rằng: Chị T, anh H1 kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H2, huyện Nghĩa H3, tỉnh Nam Định vào năm 2013 nên xác định hôn nhân giữa chị T, anh H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập làm việc, hòa giải nhưng anh H1 không đến Tòa làm việc chứng tỏ việc anh H1 bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn xây dựng gia đình. Qua xác minh tại UBND xã Phước T2 mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H1 địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nhơn T3 xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, vợ chồng chị T, anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/11/2014 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 03/01/2022, trường hợp ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T thì thấy tại bản tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2024, cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/11/2014 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, cháu Trần Ngọc Bảo D thì còn nhỏ. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển một cách tốt nhất thì cần tiếp tục giao cháu N, cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Đang sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị T là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H1. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 30/11/2014 và Trần Ngọc Bảo D, sinh ngày 03/01/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Trần Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh H1 vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh H1 có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh Quyền thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0017488 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T3, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị T, anh Trần Văn H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Nhơn T3;
- VKSND H. Nhơn T3;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Văn Thành

